

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHÍ PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu

Mã SV: 1412401376

Lớp: QT1807K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và
Sản xuất TADA-VIET

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày cơ sở lý luận chung về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET.
 - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
 - Quy chế - quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET.
 - Địa chỉ: Số 381 – Lê Thánh Tông – Phường Vạn Mỹ - Quận Ngô Quyền – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thu

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Thu* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thu

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu	3
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	4
1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.	4
1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	5
1.1.5.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.2.NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .	6
.....	6
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	6
1.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.2.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	19
1.2.4.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	21
1.2.4.1.Kế toán doanh thu tài chính	21
1.2.4.2.Kế toán chi phí tài chính	24
1.2.5.Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	26
1.2.5.1.Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	26
1.2.5.2.Kế toán chi phí hoạt động khác.....	29
1.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET	35
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	35
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	35
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	36

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty	37
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	38
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	38
2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	39
2.1.5.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	42
2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET	42
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại cty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET.....	42
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm dịch vụ và phương thức bán hàng tại công ty.	42
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET	43
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET	52
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	64
2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	69
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	74
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET	79
3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET	79
3.1.1.Kết quả đạt được.	79
3.1.2. Hạn chế.....	81
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET.....	83
3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	83
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET	84
KẾT LUẬN	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp. ...	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trả góp.	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức giao đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).....	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	13
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.	17
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	18
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	20
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính.	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán thu nhập khác.....	28
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán chi phí khác.....	30
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	32
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	34
Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý của công ty TNHH TM&SX TADA-VIET	37
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	39
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung	41
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	44
Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.	56
Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	65

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT	46
Biểu số 2.2 : (Trích sổ nhật kí chung).....	47
Biểu 2.3: (Trích sổ cái).....	48
Biểu 2.4: (Trích sổ cái).....	49
Biểu số 2.5:Sổ chi tiết thanh toán với người mua	50
Biểu 2.6: Bảng tổng hợp thanh toán người mua người bán.....	51
Biểu 2.7 : Phiếu Xuất Kho	53
Biểu số 2.8 : (Trích sổ nhật kí chung).....	54
Biểu 2.9 : (Trích sổ cái).....	55
Biểu số 2.10 : Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	58
Biểu 2.11: Phiếu chi tiền mặt:	59
Biểu số 2.12 : Hóa đơn GTGT.	60
Biểu 2.13: Phiếu chi tiền mặt:	61
Biểu số 2.14 : Sổ Nhật ký chung.....	62
Biểu số 2.15 : Sổ cái TK 642	63
Biểu số 2.16 : Giấy báo có	66
Biểu 2.17 : (Trích sổ nhật kí chung)	67
Biểu 2.18: (Trích sổ cái).....	68
Biểu số 2.19 : Giấy báo Nợ.....	71
Biểu 2.20 : (Trích sổ nhật kí chung)	72
Biểu 2.21 : (Trích sổ cái).....	73
Biểu 2.22 : (Trích phiếu kế toán)	75
Biểu 2.23 : (Trích phiếu kế toán)	75
Biểu 2.24 : (Trích sổ nhật kí chung)	76
Biểu 2.25 : (Trích sổ cái).....	77
Biểu số 3.1: Báo cáo tính hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2016	82
Biểu 3.2: Mẫu sổ chi tiết bán hàng.....	88
Biểu 3.3: Mẫu sổ chi tiết bán hàng.....	89
Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.	90
Biểu số 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.	91

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các doanh nghiệp phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin về “chí phí đầu vào” và “kết quả đầu ra” một cách kịp thời và chính xác để ra quyết định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Sau thời gian thực tập ở công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định chọn lựa đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET”** làm khóa luận tốt nghiệp. Qua đây, em hy vọng sẽ giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời sẽ rút ra được những vướng mắc, hạn chế mà công ty gặp phải, từ đó nêu lên cách giải quyết.

+ Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG I: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

CHƯƠNG II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET.

CHƯƠNG III: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ, các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các anh chị em trong phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên chắc chắn bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Do vậy, em mong được tiếp thu ý kiến đóng góp chỉ bảo của thầy cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I:**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu**

· **Doanh thu:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

· *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* là toàn bộ số tiền thu được, sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá (nếu có).

· *Doanh thu thuần* là khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...

· *Doanh thu tài chính* là khoản thu từ các hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

· *Thu nhập khác:* là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: tổng giá trị của các lợi ích kinh tế đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu nội bộ không phải là doanh thu. Các

khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu cũng làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm giảm thu nhập của doanh nghiệp như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức khoản tiền phải chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Giá vốn hàng bán* là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chi phí quản lý kinh doanh* là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...

- *Chi phí hoạt động tài chính* là phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

- *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Kết quả kinh doanh* là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.
- Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2.NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .

1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại. Các hàng hóa đem biếu tặng, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

** Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

*** Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch và cung cấp dịch vụ đó

*** Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý từ các khoản đã thu được tiền, hoặc thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế

- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các sản phẩm

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

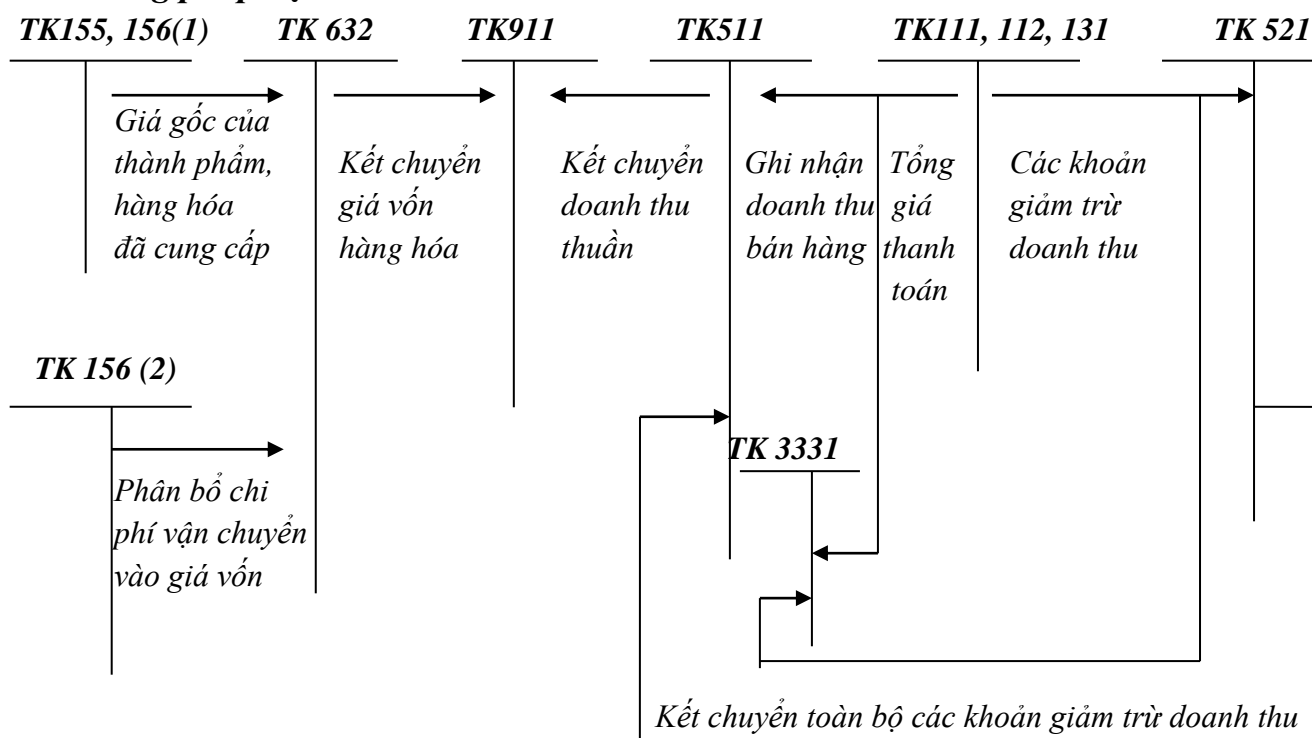
Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

*** Kết cấu tài khoản:**

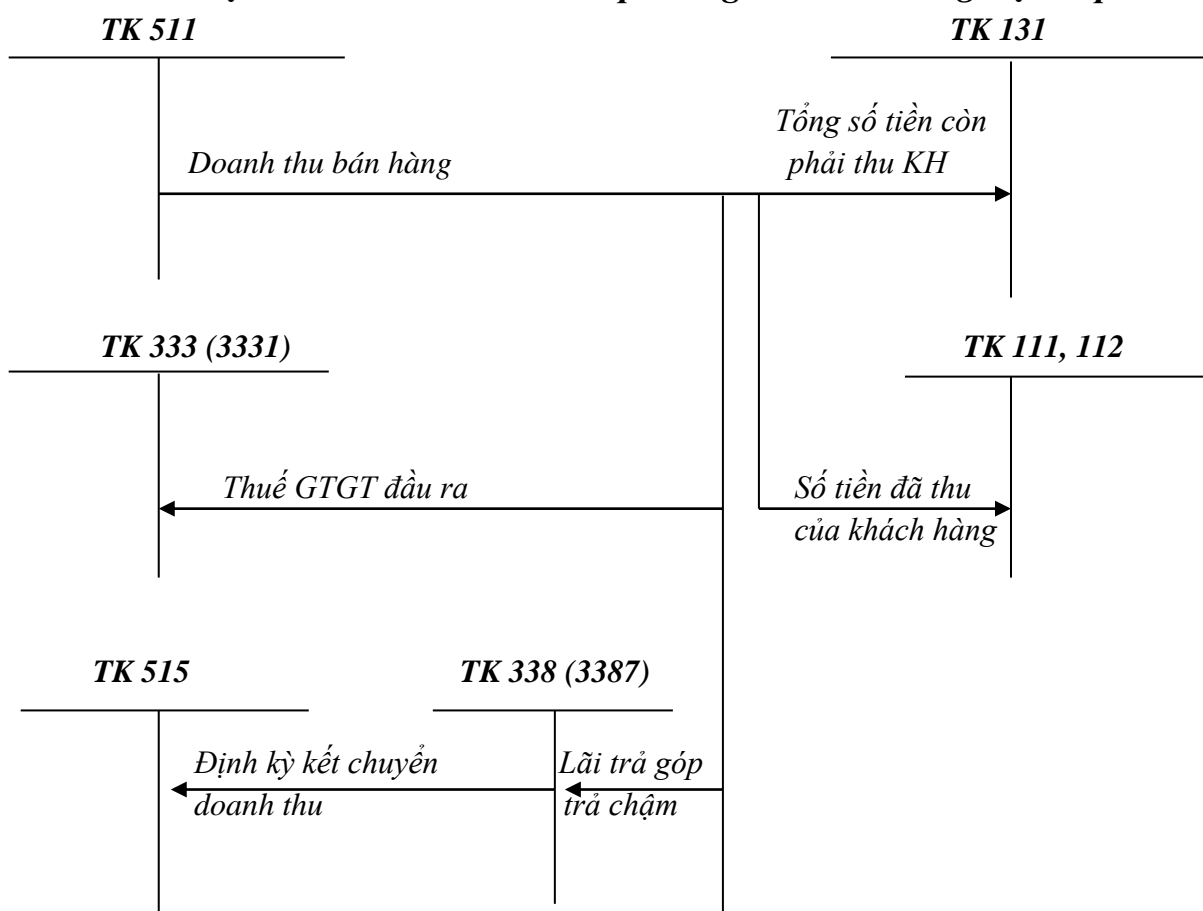
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, kết chuyển cuối kỳ. - K/c doanh thu thuần vào tài khoản 911 	-	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



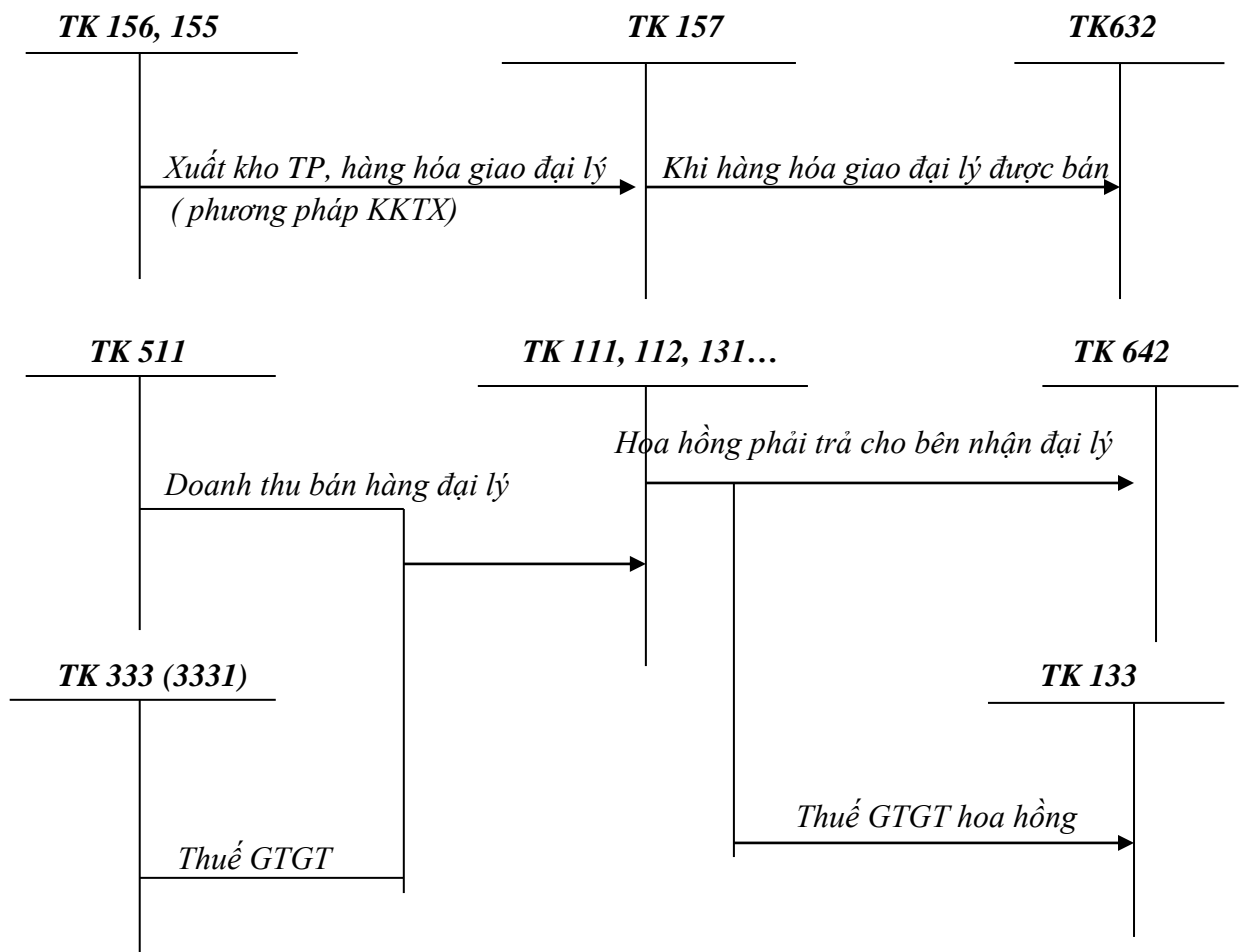
*** Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trả góp.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức giao đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).

1.2.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán,...
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

*** Tài khoản sử dụng:**

📁 TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

*** Kết cấu tài khoản**

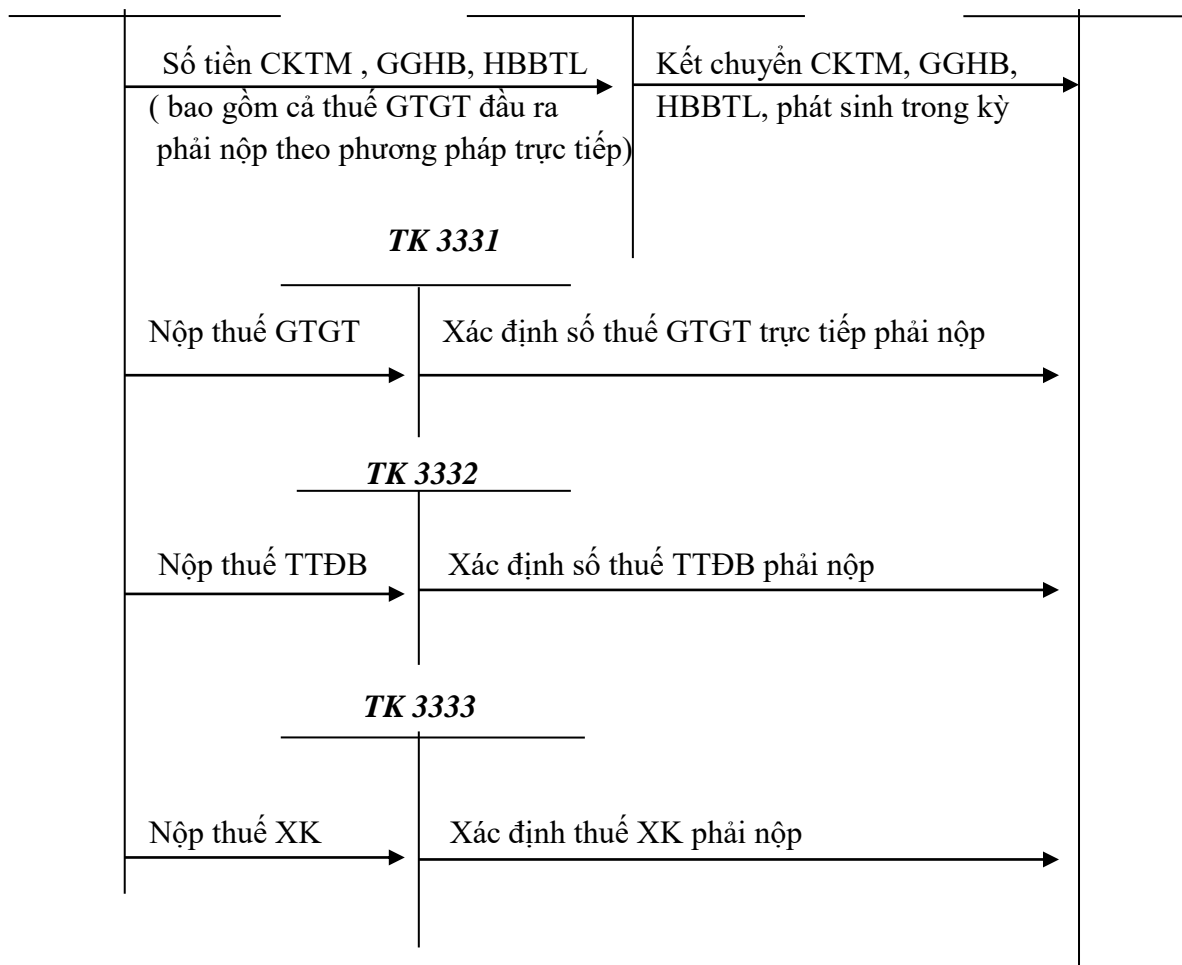
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

*** Phương pháp hạch toán**

TK 111, 112

TK 521

TK 511



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. Kế toán giá vốn thành phẩm, hàng hóa.**Các phương pháp xác định giá vốn thành phẩm, hàng hóa xuất kho.**

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định giá vốn thành phẩm, hàng hóa để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong thực tế cả giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá thành phẩm, hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập tương ứng. Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn thành phẩm, hàng hóa khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp cho phù hợp.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:*** Phương pháp bình quân gia quyền:**

Trị giá thực tế TP, hàng hóa xuất kho = Số lượng TP, hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thành phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thành phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm, hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng TP, hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

- Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tính biến động của thành phẩm, hàng hóa.

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân Sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá TP, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng TP, hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

· Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng tính toán khá phức tạp, tốn nhiều công sức. Do đó phương pháp này thường được các doanh nghiệp có ít loại thành phẩm, hàng tồn kho và có lưu lượng thành phẩm, hàng hóa nhập xuất trong kỳ ít.

*** Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là thành phẩm, hàng hóa được mua trước hoặc sản xuất trước thì được tiêu thụ trước. Và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị thành phẩm, hàng hóa tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

□ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

LIFO được áp dụng dựa trên giả định là thành phẩm, hàng hóa được mua vào sau cùng thì sẽ được xuất trước. Phương pháp này ngược với phương pháp trên chỉ thích hợp với giai đoạn lạm phát.

*** Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thì thích hợp với hàng hóa có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng, bạc, kim loại quý hiếm, đá quý...

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT), phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan...

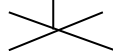
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 632: “ Giá vốn hàng bán”

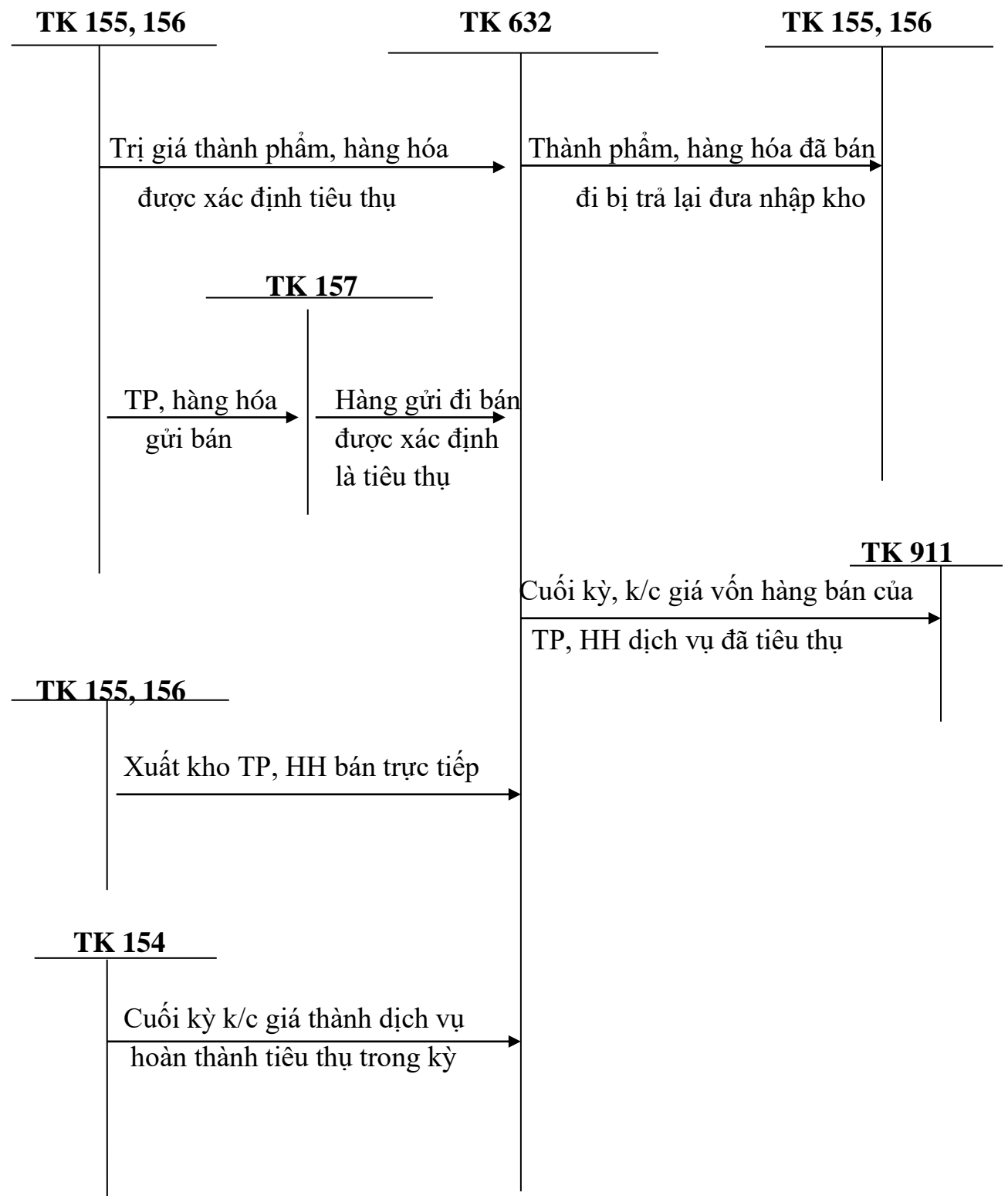
- *Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra. + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không thể tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành. + Sự cố trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Đối với các hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán trong kỳ + Chi phí cho thuê hoạt động BĐS đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch năm nay < số đã trích lập năm trước) - Giá trị hàng bán bị trả lại nhập kho 	
Tổng phát sinh bên nợ	Tổng phát sinh bên có	



*** Phương pháp hạch toán:**



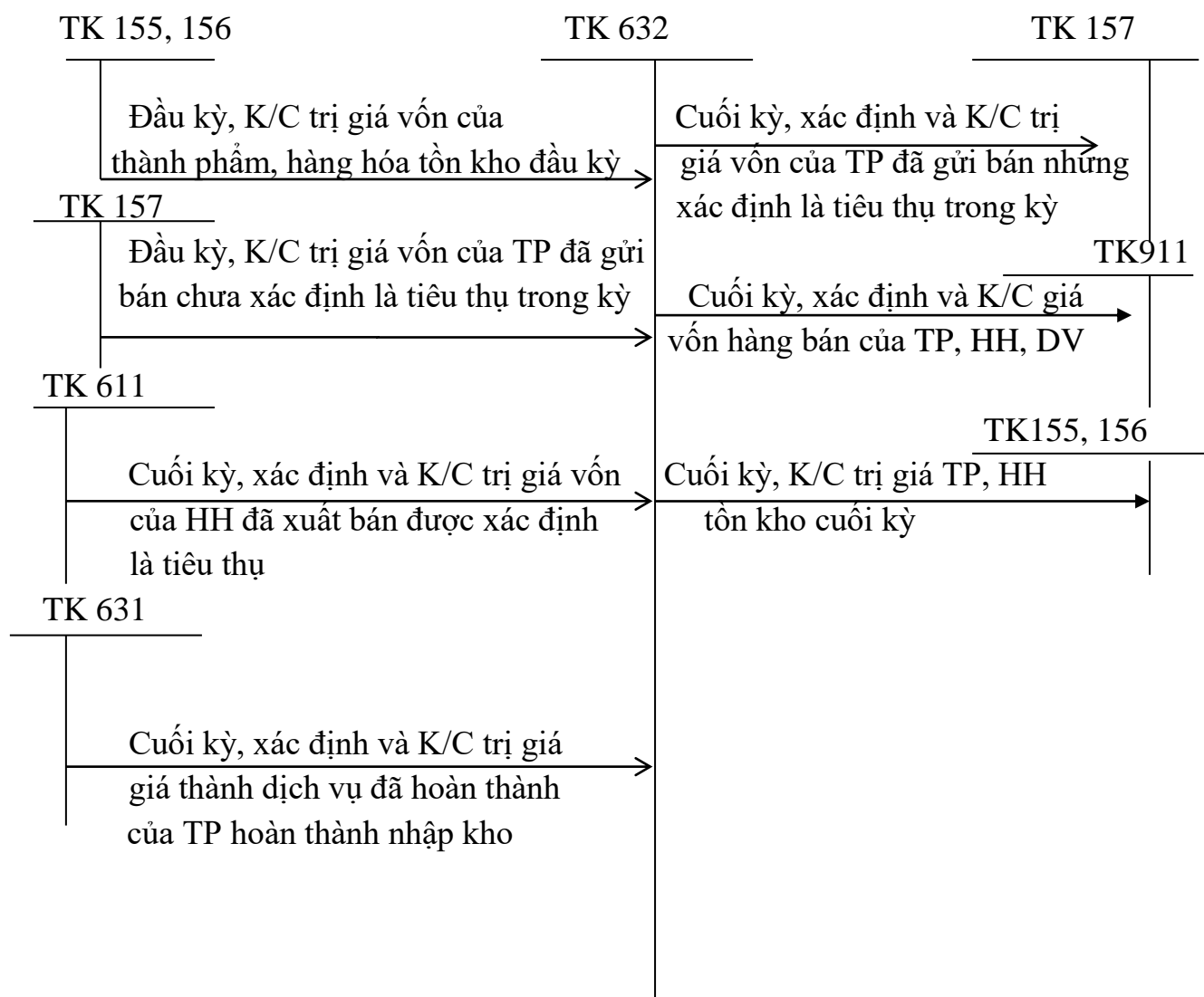
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Kế toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ:** Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\text{Số lượng hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} - \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn hàng thực tế của hàng xuất kho.

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ .

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh là tất cả các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý doanh nghiệp và hoạt động bán hàng. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm một số khoản sau: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp và nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn của nhân viên, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và bán hàng, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, vệ sinh...)

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 642: “ Chi phí quản lý kinh doanh”

Các tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:

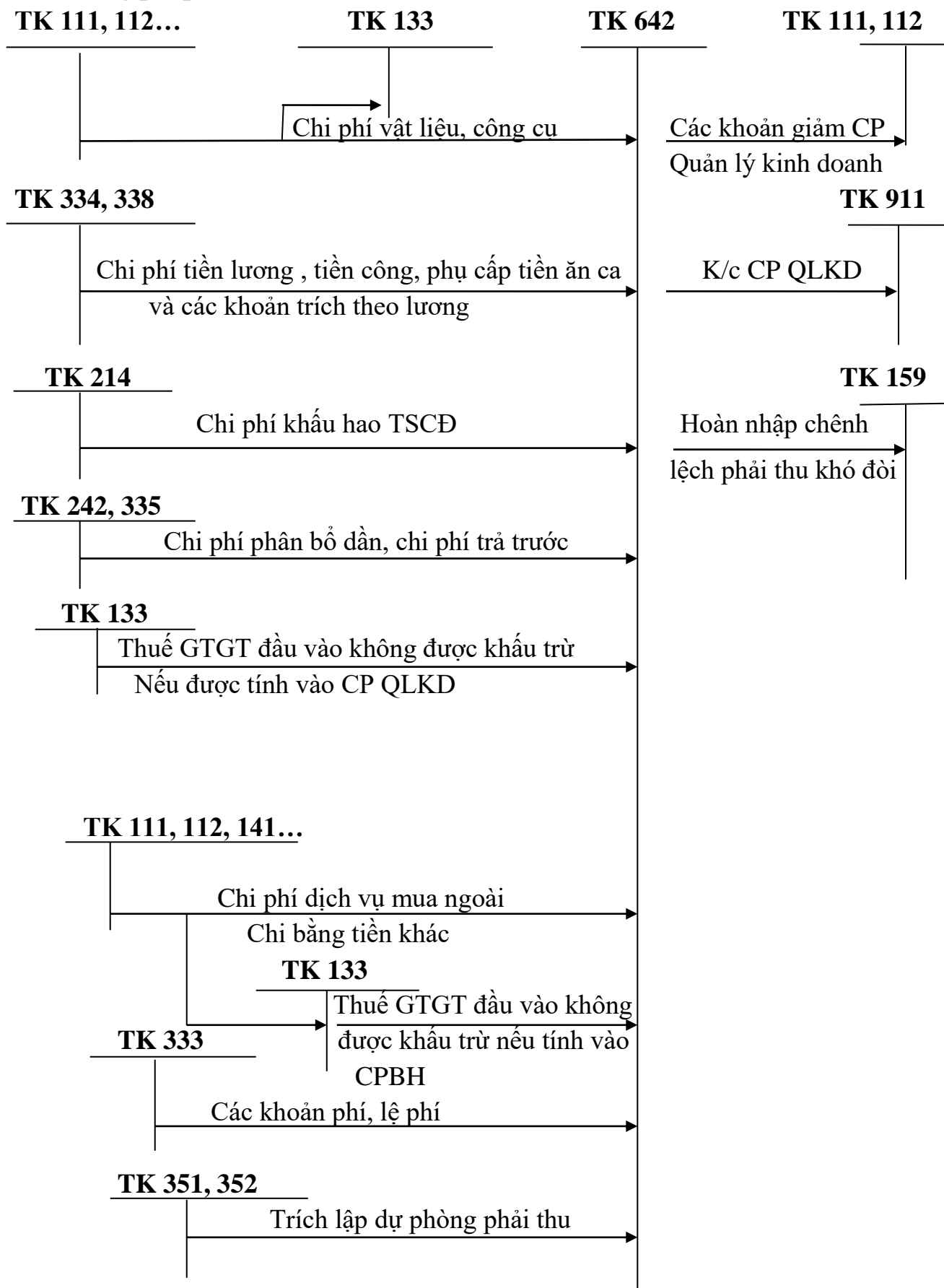
Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 642	Có
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ		Kết chuyển chi phí kinh doanh vào TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý, nhượng bán các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư cào công ty liên kết, đầu tư vốn khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn

- Các khoản thu hoạt động tài chính khác.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi

- Giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu kế toán

- Phiếu thu

- Các chứng từ khác có liên quan.

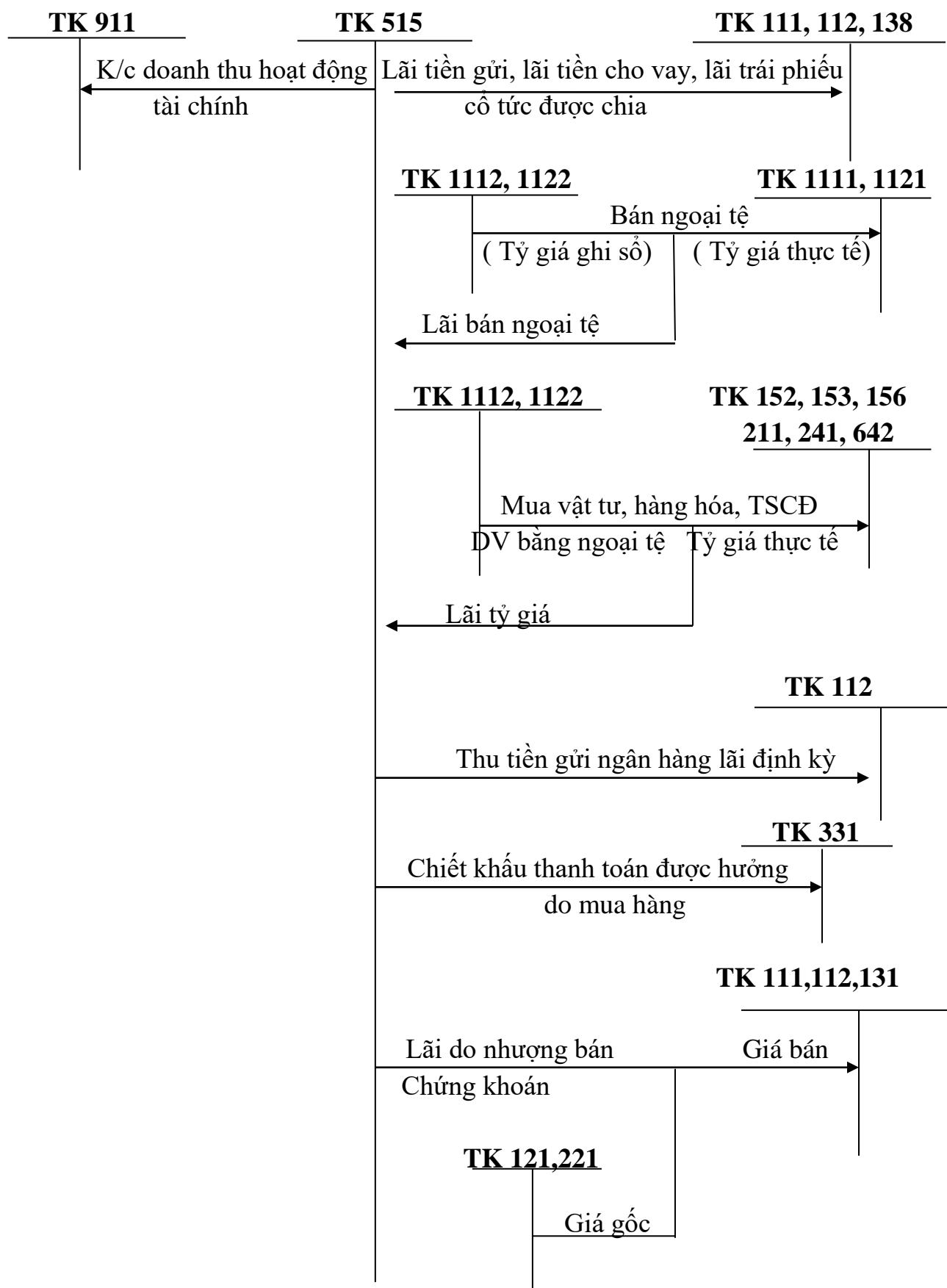
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 515: “ Doanh thu hoạt động tài chính”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ - Chênh lệch do chuyển nhượng vốn - Các khoản doanh thu do hoạt động tài chính khác 	
Tổng số phát sinh nợ	 	Tổng số phát sinh có

* Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về đầu tư vốn tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ từ tỷ giá hối đoái.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

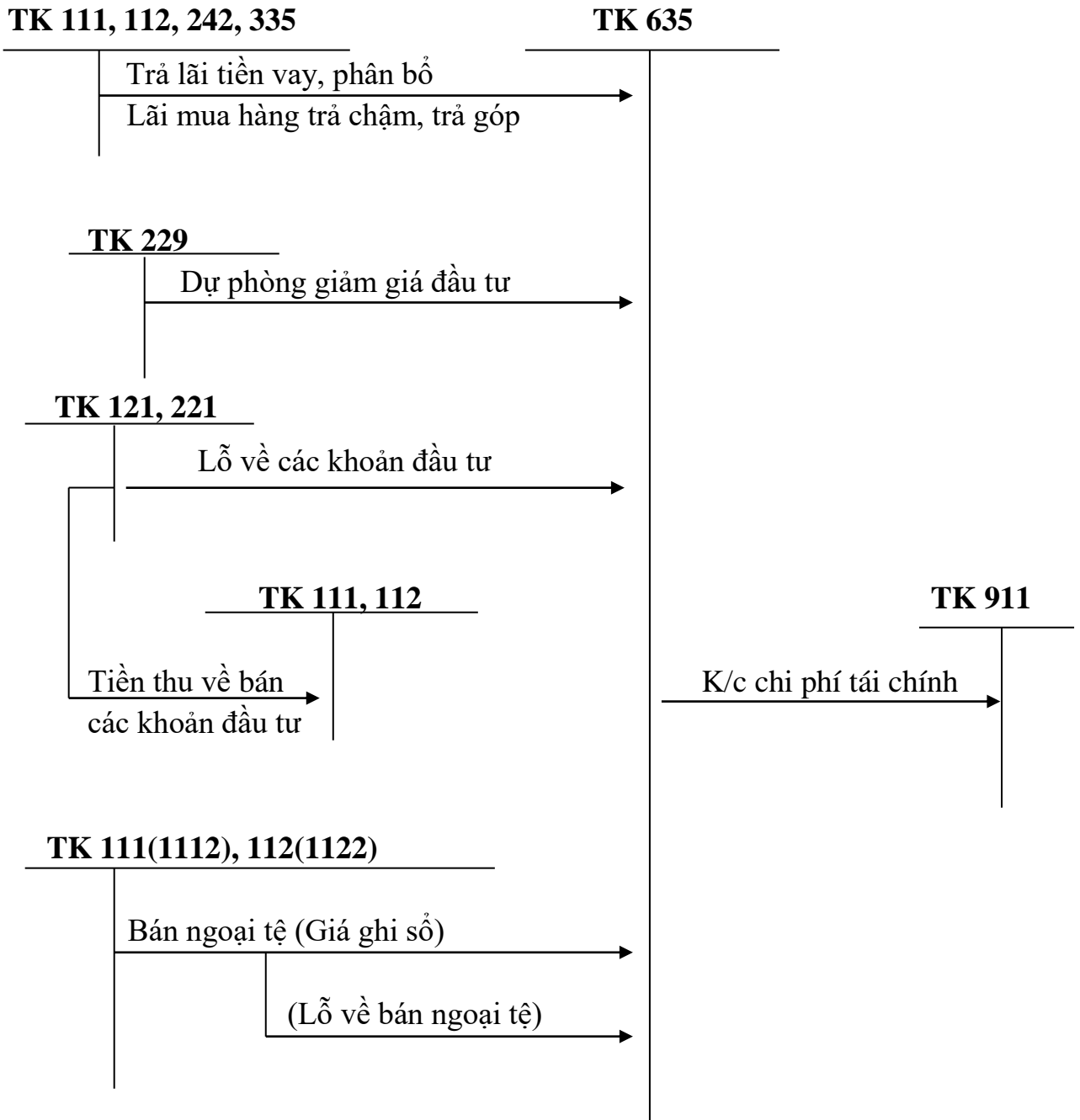
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 635: “ Chi phí tài chính”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính.

1.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi lại được, các khoản thuế ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

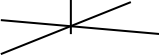
*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán...
- Các chứng từ liên quan khác như nhau: Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế...

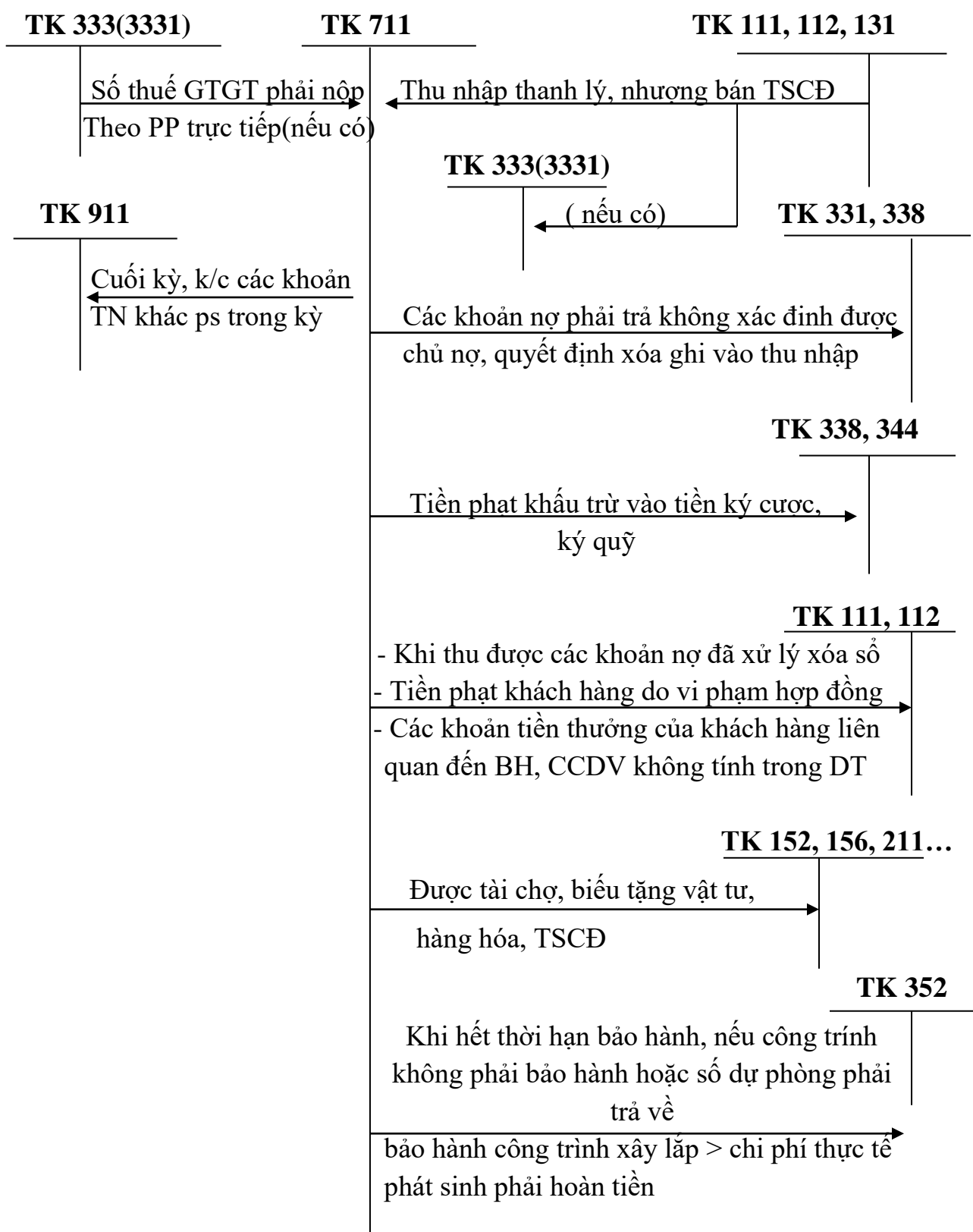
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 711: “ Thu nhập khác”

*** Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
		

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán thu nhập khác.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác : Là các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do sự kiện và các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản phí khác

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

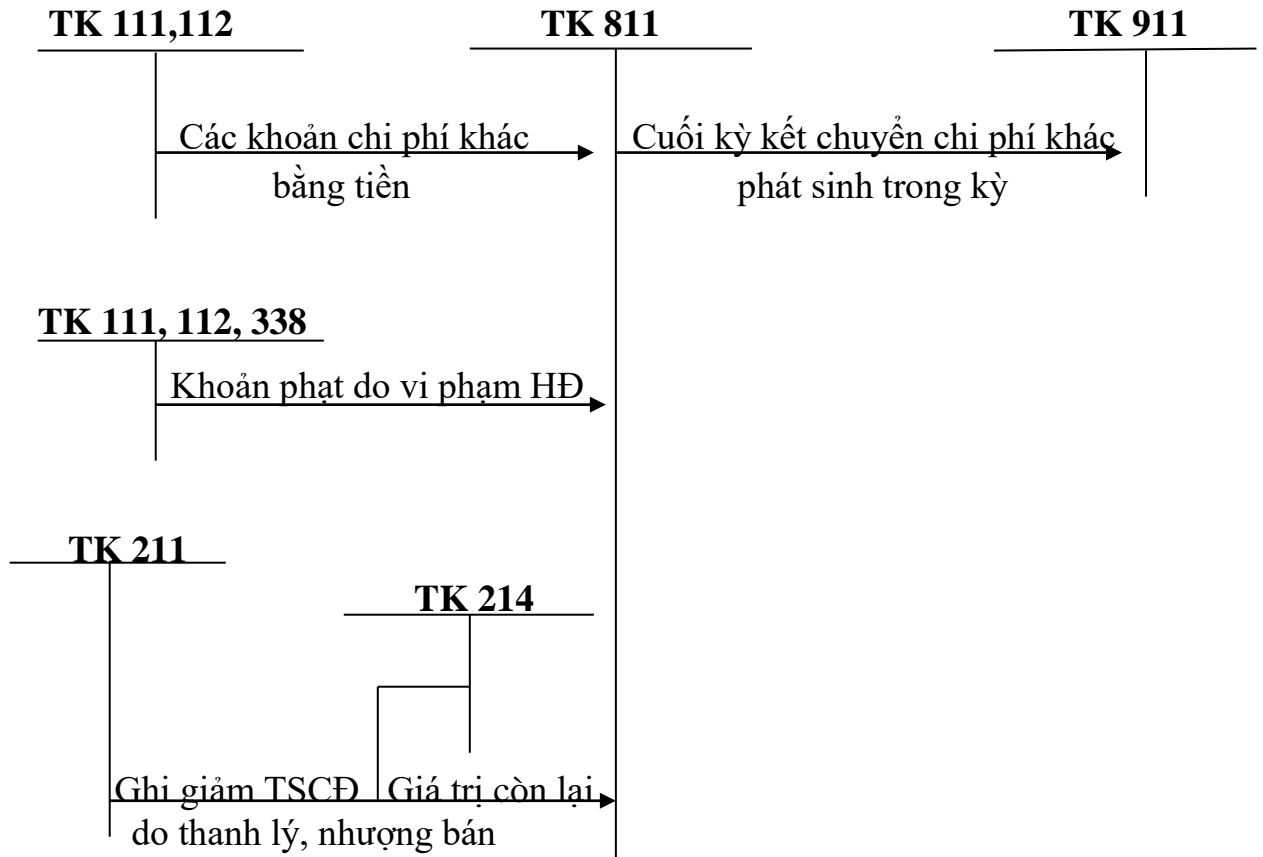
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811: “Chi phí khác”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ		K/c toàn bộ chi phí vào TK 911
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí khác.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

– Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi, lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

– Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

– Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

– Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

***Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:**

□ Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

□ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

□ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

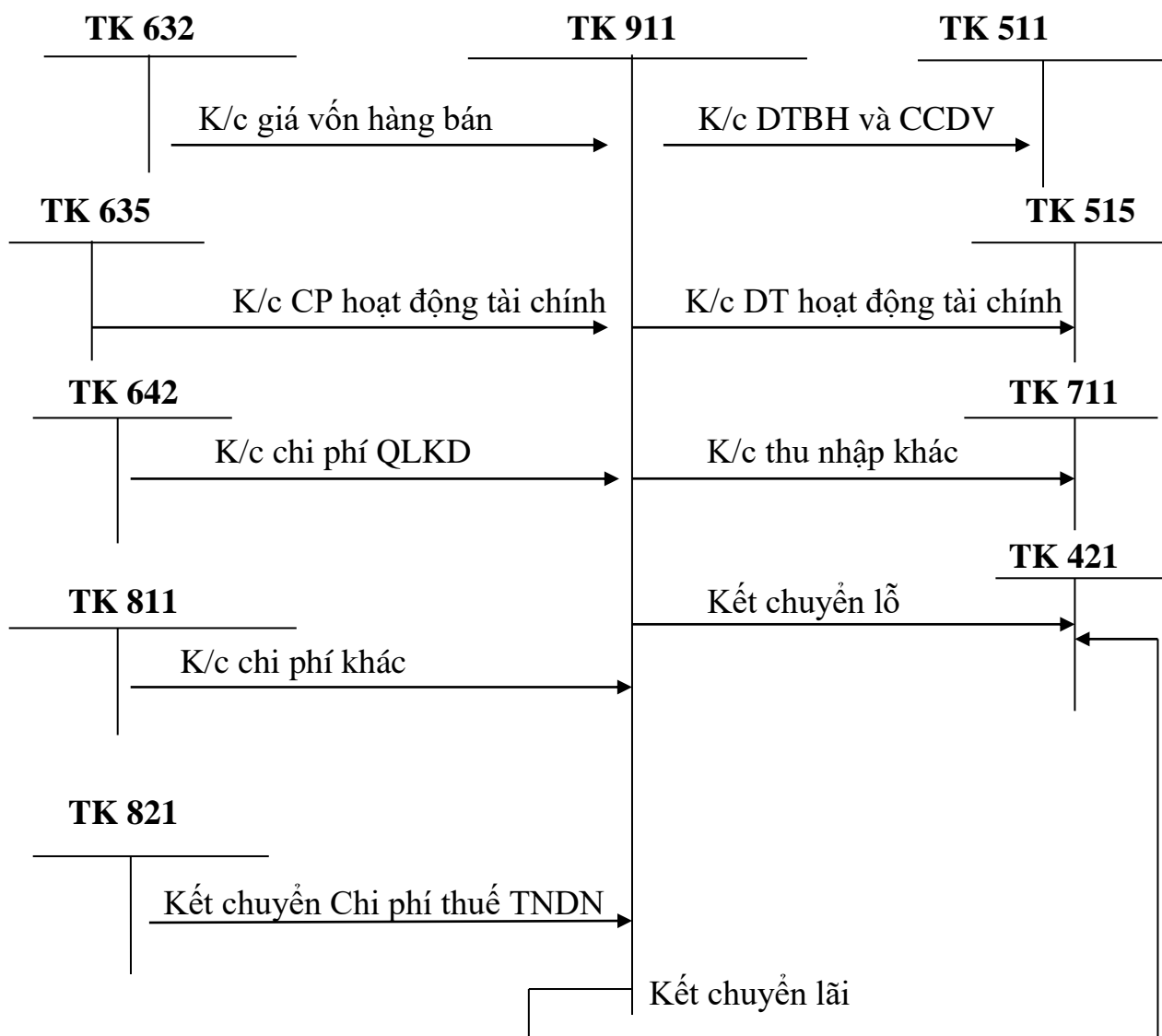
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

*** Phương pháp hạch toán.**



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể áp dụng một trong 4 hình thức sổ kế toán sau:

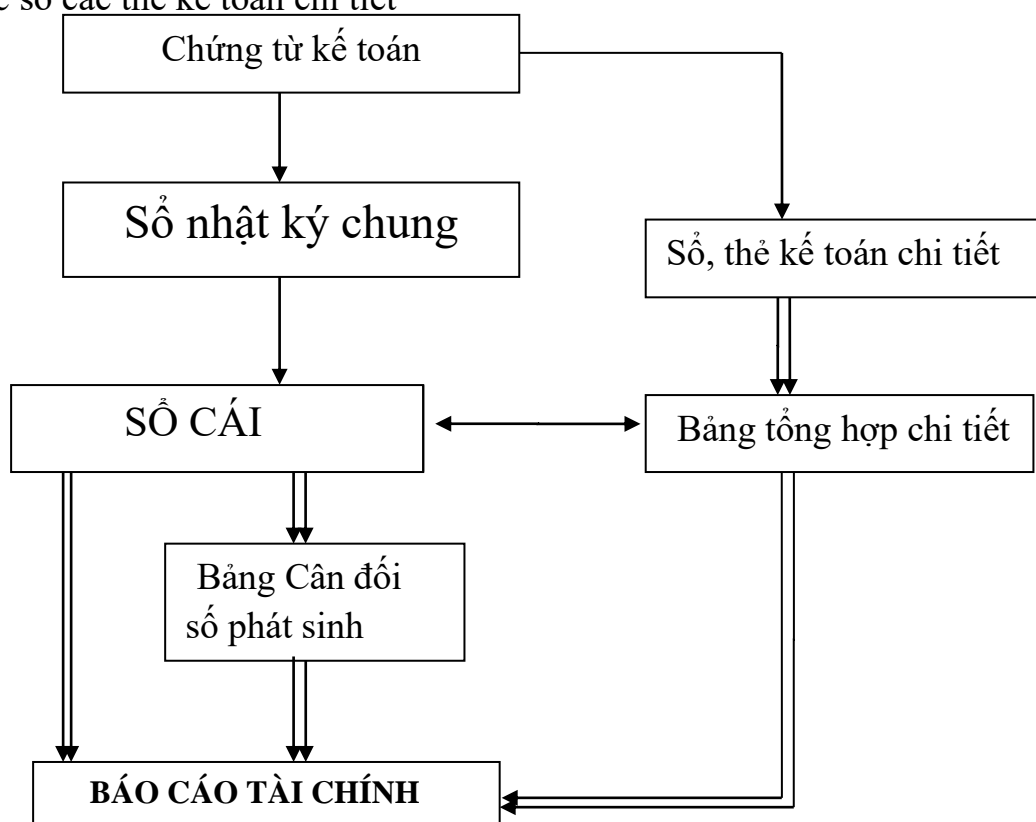
- Hình thức sổ Nhật ký chung.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký – sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Dưới đây bài viết đi vào minh họa trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

* Đặc trưng cơ bản hình thức nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cho từng nghiệp vụ phát sinh.

- * Các loại sổ chủ yếu: - Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ các thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	↔

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

+ Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty TNHH TM và SX TADA-VIET là công ty TNHH 1 TV chuyên lĩnh vực thi công nền móng bằng phương pháp khoan nhồi cọc bê tông, kinh doanh máy móc thiết bị công nghiệp, đồ nội thất có trụ sở chính tại Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

- Năm thành lập: 2009

- Giấy phép số: 0201650061 Do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 381-Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

- Mã số thuế: 0200950061

- Vốn điều lệ: 3.600.000.000

- Số điện thoại : 0943.080.284

- Email: tadaviet@gmail.com

Ngay sau khi được thành lập TADA-VIET triển khai lĩnh vực kinh doanh đầu tiên của mình là thi công nền móng bằng phương pháp khoan nhồi cọc bê tông. Sau này mở rộng sang lĩnh vực sản xuất các loại gioăng cao cấp cho cửa nhôm, nhập khẩu và phân phối vật tư trang trí nội thất, vật tư máy móc thiết bị...Tuy mới đi vào hoạt động với đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu phẩm chất và năng lực công tác, cùng với đường lối phát triển đúng đắn, công ty đã bước đầu khẳng định được năng lực và uy tín của mình.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET tổ chức kinh doanh các ngành nghề:

- Chuyên thi công nền móng bằng phương pháp khoan nhồi bê tông cọc
- Sản xuất và phân phối các loại phụ kiện nhôm kính (khóa cửa, bản lề, tay nắm, chốt...)
- Sản xuất các loại gioăng cao cấp cho cửa nhôm (nhôm thường, nhôm Việt Pháp, Xing Fa...)
- Nhập khẩu và phân phối vật tư trang trí nội thất (gạch men cao cấp, trần nhôm, tấm nhựa UV, tranh sứ cao cấp...)
- Nhập khẩu và phân phối vật tư máy móc thiết bị (công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp...)

2.1.3. ²Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Thuận lợi:

Khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET đã có những thuận lợi:

Công ty nằm trên đường 5/2 thuộc thành phố Hải Phòng. Hải Phòng là một Thành phố cảng lớn nhất phía Bắc (Cảng Hải Phòng) và công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam nằm trong Vùng duyên hải Bắc Bộ. Hải Phòng là 1 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia. Đây là nơi có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước. Hải Phòng là đầu mối giao thông đường biển phía Bắc với lợi thế cảng nước sâu nên vận tải biển rất phát triển, đồng thời là một trong những động lực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, là Trung tâm kinh tế - khoa học - kĩ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong 2 trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Hải Phòng có nhiều khu công nghiệp, thương mại lớn và trung tâm dịch vụ, du lịch, giáo dục, y tế và thủy sản của vùng duyên hải Bắc Bộ Việt Nam. Hải Phòng là một cực tăng trưởng của tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc gồm Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh, nằm ngoài Quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội. Hải Phòng còn giữ vị trí tiền trạm của miền Bắc, nơi đặt trụ sở của bộ tư lệnh quân khu 3 và Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam.

Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

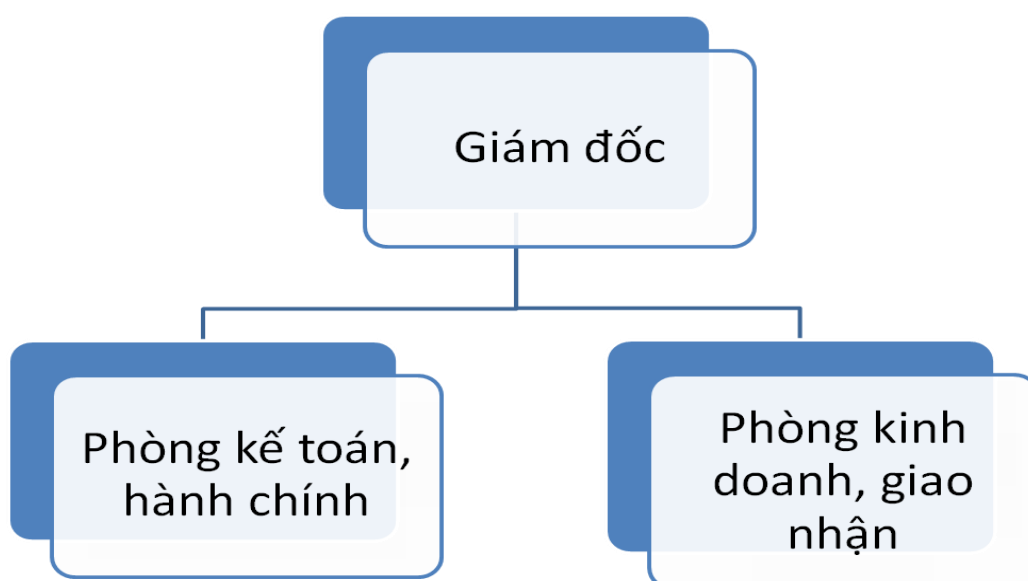
o Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi mà công ty có được thì công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn.

– Tình hình kinh tế nước ta có nhiều khó khăn, lạm phát và lãi vay ngân hàng là thách thức rất lớn trong điều kiện kinh doanh hiện nay. Tình hình kinh tế thế giới cũng có nhiều biến động khó lường trước tác động xấu tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

– Doanh nghiệp chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp trên thị trường trong lĩnh vực sản xuất phụ kiện nhôm kính, các loại gioăng...đặc biệt là có rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ cạnh tranh về giá bán.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý của công ty TNHH TM&SX TADA-VIET

Tổ chức quản lý công ty gồm:

- **Giám đốc công ty:** Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và công nhân viên chức về quản lý về toàn bộ tài sản, lao động vật tư, tiền vốn, đảm bảo an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội đối ngoại.

- Các phòng ban khác có các chức năng như sau:

+ **Phòng kế toán:** có chức năng trong việc lập kế hoạch và quản lý nguồn tài chính của công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tổ chức của Nhà nước.

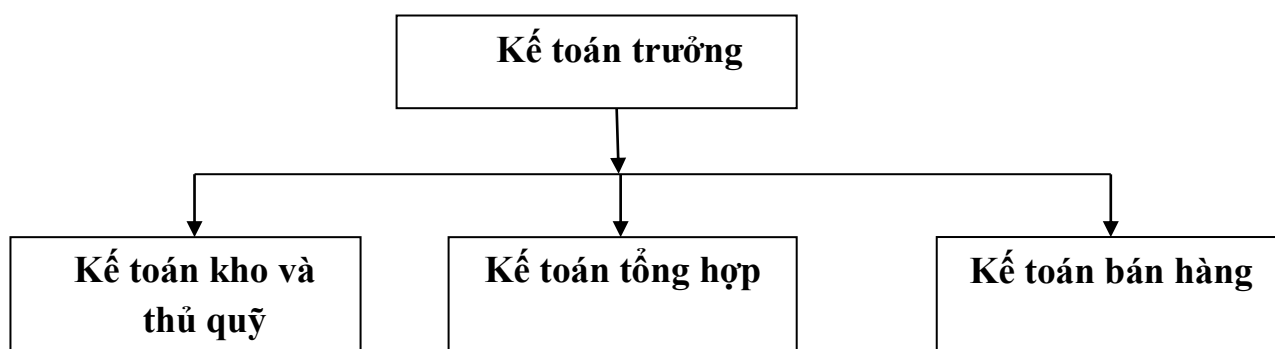
+ **Phòng kinh doanh, giao nhận:** Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu... đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng

Chuyên vận chuyển, giao và nhận hàng hóa từ công ty đến khách hàng và từ đối tác của công ty về công ty. Đảm bảo về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng của hàng hóa.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- **Kế toán trưởng:** Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành

- **Kế toán kho và thủ quỹ:** Có trách nhiệm quản lý thông kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

- **Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo tài chính.

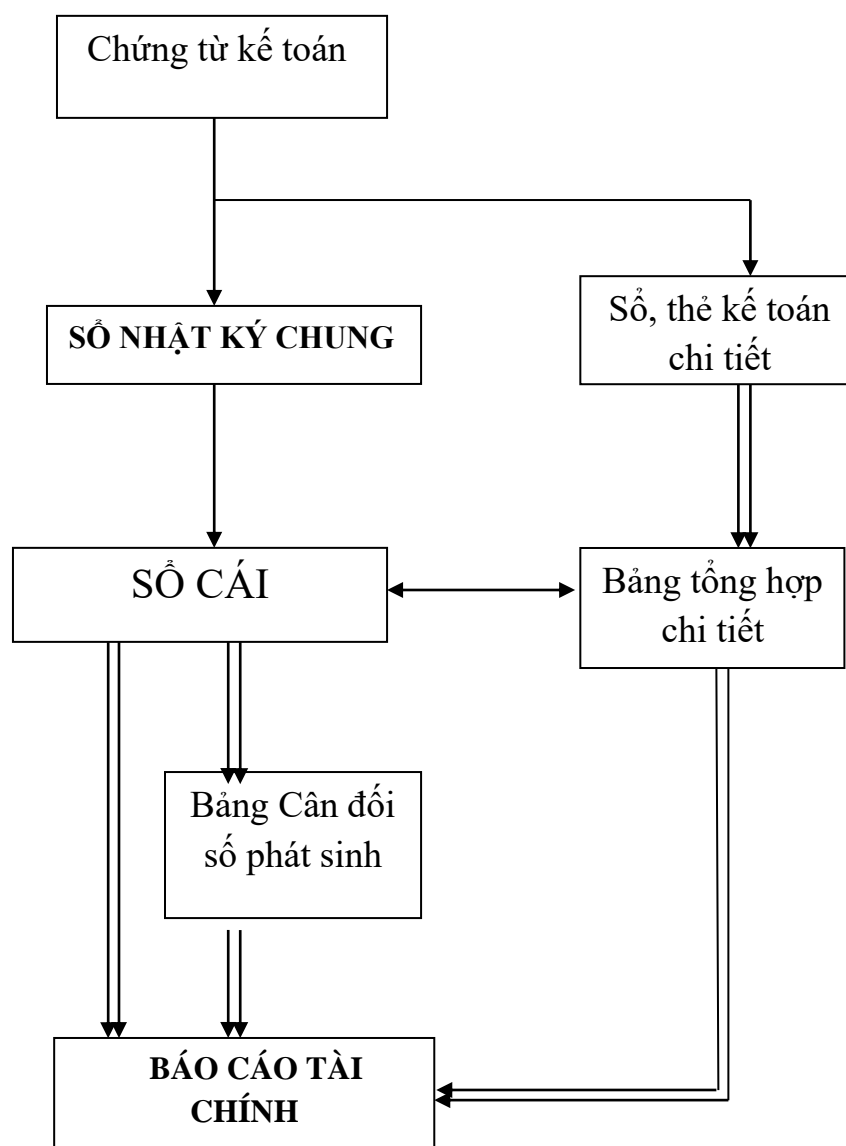
- **Kế toán bán hàng:** Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Công ty sử dụng VNĐ là loại tiền để hạch toán, đơn vị tính: đồng



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu đã ghi ở Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ chi tiết) số liệu được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.5.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

· **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:**

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Bảng cân đối số phát sinh..

2.2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại cty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm dịch vụ và phương thức bán hàng tại công ty.

· **Đặc điểm sản phẩm dịch vụ:**

Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET tổ chức kinh doanh các ngành nghề:

- Chuyên thi công nền móng bằng phương pháp khoan nhồi bê tông cọc
- Sản xuất và phân phối các loại phụ kiện nhôm kính (khóa cửa, bản lề, tay nắm, chốt...)
- Sản xuất các loại gioăng cao cấp cho cửa nhôm (nhôm thường, nhôm Việt Pháp, Xing Fa...)
- Nhập khẩu và phân phối vật tư trang trí nội thất (gạch men cao cấp, trần nhôm, tấm nhựa UV, tranh sứ cao cấp...)

– Nhập khẩu và phân phối vật tư máy móc thiết bị (công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp...)

· **Hình thức thanh toán được thực hiện:**

– Hình thức thanh toán ngay: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty được thu tiền ngay(tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..)

– Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua các sổ chi tiết TK131, sổ tổng hợp chi tiết TK131, sổ cái TK131...

· **Phương thức bán hàng tại công ty:**

Công ty áp dụng duy nhất phương thức bán hàng trực tiếp: Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT

Phiếu thu

Phiếu xuất kho

Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

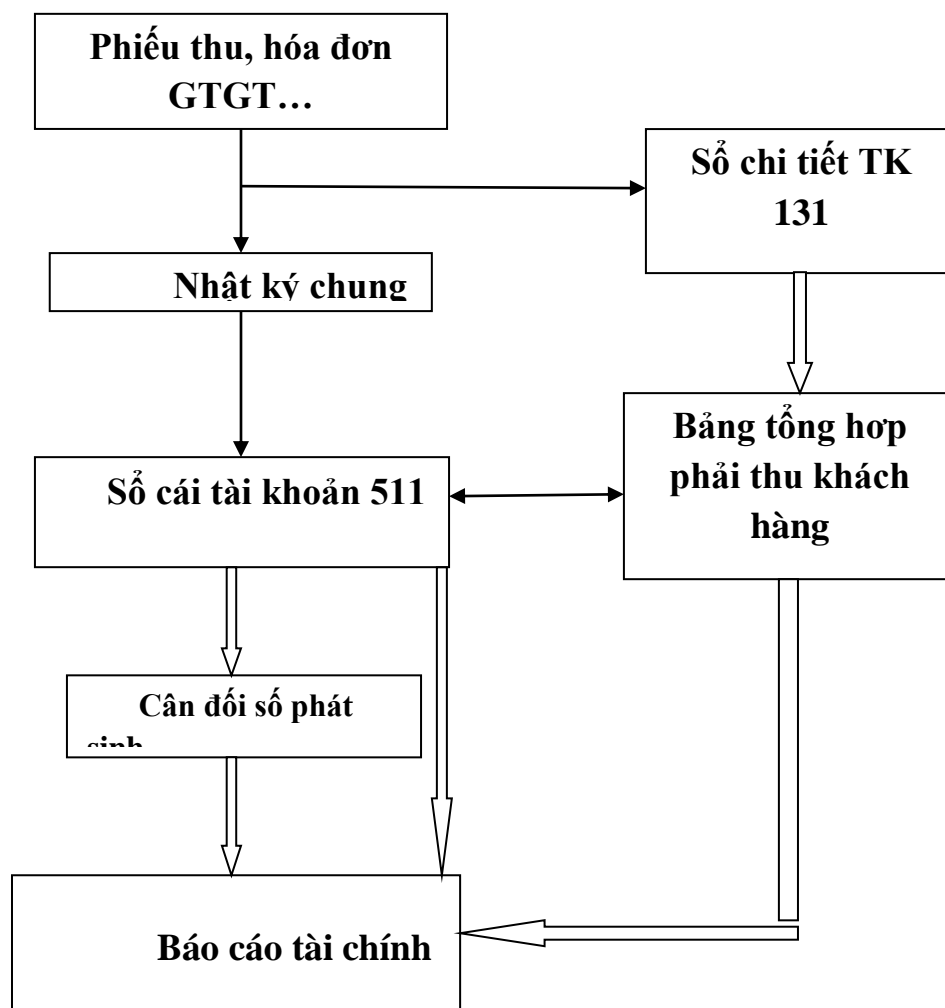
– TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

– TK3331: Thuế GTGT đầu ra.

– TK111: Tiền mặt.

– TK112: Tiền gửi ngân hàng.

– TK131: Phải thu của khách hàng.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi định kỳ: =————→

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra và làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 511, 131... Đồng thời căn cứ vào chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết TK131.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Đồng thời căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, Sổ Cái các tài khoản liên quan và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 22/08/2016 xuất bán sắt tấm ốp trần các loại cho công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện và xây lắp, tổng trị giá 42.630.000đ (chưa bao gồm VAT10%).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.2) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131(biểu số 2.5). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511(biểu số 2.3), sổ cái TK131(biểu số 2.4) và sổ cái TK333.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng, từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P															
Liên 3: Nội bộ																		
Ngày 22 tháng 08 năm 2016			Số: 0000393															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET																		
Mã số thuế : 0200950061																		
Địa chỉ : Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-Ngô Quyền-Hải Phòng																		
Số tài khoản :																		
Điện thoại/Fax: 02253.752234																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện và xây lắp																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	7	5	7	1	7			
0	2	0	0	4	7	5	7	1	7									
Địa chỉ:																		
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6													
1	Tấm ốp nhựa UV 3D	Tấm	5	3.636.000	18.180.000													
2	Tấm ốp nhựa giả đá	Tấm	6	4.075.000	24.450.000													
					/													
Cộng tiền hàng:					42.630.000													
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					4.263.000													
Tổng tiền thanh toán:					46.893.000													
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng./																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																		

Biểu số 2.2 : (Trích sổ nhật ký chung)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM&SX TADA-VIET

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
HĐ310	20/06	Xuất bán gạch men cao cấp cho công ty TNHH Vạn Phúc	131	511 3331	22.000.000	20.000.000 2.000.000
...
HĐ378	22/07	Xuất bán gạch men cao cấp cho công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	131	511 3331	44.198.000	40.180.000 4.018.000
...
HĐ393	22/08	Xuất bán tấm ốp nhựa cho công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	131	511 3331	46.893.000	42.630.000 4.263.000
...
HĐ403	30/08	Xuất bán nhôm Việt Pháp cho công ty TNHH MTV TM&XNK Ngân Hà	131	511 3331	13.307.800	12.098.000 1.209.800
....
		Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.3: (Trích sổ cái)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM&SX TADA_VIET

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
HĐ378	22/07	Xuất bán gạch men cao cấp cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	131		40.180.000
..
HĐ393	22/08	Xuất bán tấm ốp nhựa cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	131		42.630.000

HĐ403	30/08	Xuất bán nhôm Việt Pháp cho Cty TNHH MTV TM&XNK Ngân Hà	131		12.098.000
.....
PKT18	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	11.508.824.450	
		Cộng phát sinh		11.508.824.450	11.508.824.450
		Số dư cuối kỳ			

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.4: (Trích sổ cái)Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX TADA_VIET****Mẫu số S03b – DNN***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		1.844.299.361	
...
HĐ378	22/07	Xuất bán gạch men cao cấp cho Cty TNHH công nghệ cơ- nhiệt- điện và xây lắp	511	40.180.000	
HĐ378	22/07	Thuế GTGT đầu ra	3331	4.018.000	
	
HĐ393	22/08	Xuất bán cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	511	42.630.000	
HĐ393	22/08	Thuế GTGT đầu ra	3331	4.263.000	
...
HĐ399	29/08	Xuất bán cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	511	66.000.000	
HĐ399	29/08	Thuế GTGT đầu ra	3331	6.600.000	
...
		Cộng phát sinh năm		9.856.118.224	9.877.432.198
		Số dư cuối kỳ		1.822.985.387	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH TM&SX TADA_VIET**Mẫu số S13 – DNN***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***Sổ chi tiết thanh toán với người mua**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện và xây lắp

Năm: 2016

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				-	
...
HĐ378	22/07	Cung cấp gạch men cao cấp	511	40.180.000		212.334.000	
HĐ378	22/07	Thuế GTGT đầu ra	333	4.018.000		216.352.000	
...
HĐ393	22/08	Cung cấp tấm ốp nhựa	511	42.630.000		351.250.000	
HĐ393	22/08	Thuế GTGT đầu ra	333	4.263.000		355.513.000	
...		
		Cộng phát sinh năm		612.129.000	489.678.000		
		Dư cuối kỳ				122.451.000	

*Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016*Người ghi sổ
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.6: Bảng tổng hợp thanh toán người mua người bán**Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán**

Tài khoản: 131

Năm 2016

Đơn vị : đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH MTV Hòa Phát	89.987.000		834.657.000	718.954.000	205.690.000	
...
3	Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện và xây lắp	–		612.129.000	489.678.000	122.451.000	
...
5	Công ty cổ phần xây lắp Hải Long	180.098.000		656.897.000	448.851.000	8.046.000	
...
	Cộng	2.044.299.361	200.000.000	9.856.188.224	9.877.432.198	2.172.985.387	350.000.000

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng được mua vào thì được xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng nhập lần đầu tiên trong kỳ, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào nhập kho.

□ **Tài khoản sử dụng:**

Đề hạch toán giá vốn hàng hóa sử dụng tài khoản 632, 156

□ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng kê.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác..

□ **Sổ sách liên quan:**

Sổ cái các TK 632, 156...

Ví dụ: Ngày 22/08/2016, căn cứ phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán hạch toán giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH cơ-nhiệt-điện và xây lắp.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan, Từ bút toán trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.8). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632(biểu số 2.9).

Biểu số 2.8 : (Trích sổ nhật ký chung)**Mẫu số S03a-DNN**Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX
TADA-VIET**(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
22/08	HD393	22/08	Xuất bán tấm ốp nhựa cho công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	131	511 3331	46.893.000	42.630.000 4.263.000
22/08	PX 11/08	22/08	Giá vốn hàng bán	632	156	38.200.000	38.200.000
...
30/08	HD403	30/08	Xuất bán nhôm Việt Pháp cho công ty TNHH MTV TM&XNK Ngân Hà	131	511 3331	13.307.800	12.098.000 1.209.800
30/08	PX 19/08	30/08	Giá vốn hàng bán	632	156	9.098.800	9.098.800
...
			Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.9 : (Trích sổ cái)

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX TADA-VIET**

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
PX 12/07	22/07	Giá vốn bán cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	156	36.120.000	
..
PX 11/08	22/08	Giá vốn bán cho Cty TNHH công nghệ cơ-nhiệt- điện và xây lắp	156	38.200.000	

PX 19/08	30/08	Giá vốn bán cho Cty TNHH MTV TM&XNK Ngân Hà	156	9.098.800	
...
PKT 19	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		8.955.899.520
		Cộng phát sinh		8.955.899.520	8.955.899.520
		Số dư cuối kỳ		-	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh tại đơn vị là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên, chi phí bán hàng, chi phí mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng, chi phí tiếp khách... Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài

khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

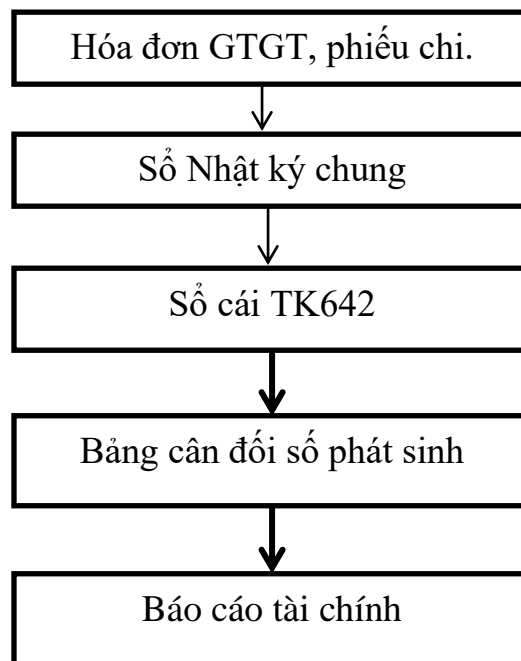
□ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng thanh toán lương.
- Bảng phân bổ tiền lương.
- Hoa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Chứng từ có liên quan.

□ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan: TK111, 112...

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 112, 642, 133...

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

Ví dụ 1:

Ngày 05/02/2016, công ty thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 1/2016 bằng tiền mặt, tổng thanh toán là 440.361 đồng (thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.10) kế toán lập phiếu chi số 05/02 (Biểu số 2.11) để thanh toán cho đơn vị bán.

Dựa vào hóa đơn dịch vụ viễn thông và phiếu chi số 05/02, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.15). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 642, 133

Ví dụ 2:

Ngày 22/04/2016 chi tiếp khách với số tiền 1.650.000 VNĐ(đã bao gồm 10% thuế VAT. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000766 và phiếu chi số 15/04 ngày 22/04/2016 về việc thanh toán tiền chi tiếp khách và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi sổ Nhật ký chung(biểu số 2.15), căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642(biểu số 2.16) và sổ cái TK 133, TK111.

Cuối kỳ, căn cứ vào các sổ cái tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10 : Hóa đơn dịch vụ viễn thông.

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu (Serial No): **AA/16P**

Số (No):2186558

Mã số

1	0	6	8	6	9	7	3	8	0	3	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5-Nguyễn Tri Phương-Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

Địa chỉ (Address): Số 381-Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 0225.3672132

Mã số (code): HPG-05-469314(H_AHAI_22-01-0422)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

0	2	0	0	9	5	0	0	6	1	-	-	-
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng 1/2016				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				400.328
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
	(a+b-c-d)			Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):	400.328
	Thuế suất GTGT (VAT rate):			Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):	40.033
	(1+2-e)			Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):	440.361

Số tiền viết bằng chữ (in words): Bốn trăm bốn mươi ngàn, ba trăm sáu mươi một đồng.....

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealling staff)

Biểu 2.11: Phiếu chi tiền mặt:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT
TADA-VIET**

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09//2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Quyển số:

Số: 05/02

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ: Viễn thông Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 01/2016

Số tiền: 440.361 VND

(viết bằng chữ): Bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi một đồng./

Kèm theo:01.....chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12 : Hóa đơn GTGT.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 22 tháng 04 năm 2016			Số: 0000766		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Hưng Phát					
Mã số thuế: 0105619301					
Địa chỉ: Khối trung lập, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội					
Điện thoại: 04 62535659					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:Nguyễn Thị Hà.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET					
Mã số thuế: 0201650061					
Địa chỉ: Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-Ngô Quyền-Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản:.....					
S	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dịch vụ ăn uống				1.500.000
Cộng tiền hàng					1.500.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		150.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.13: Phiếu chi tiền mặt:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT
TADA-VIET**

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09//2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 04 năm 2016

Quyển số:

Số: 22/04

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn An

Địa chỉ: Công ty TNHH Hưng Phát

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền: 1.650.000 VND

(viết bằng chữ) *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./*

: Kèm theo:01.....chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14 : Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
23/01	PC23/01	23/01	Thanh toán tiền điện thoại tháng 01	642 133	 111	461.926 46.193	 508.119
...
02/02	PC02/02	02/02	Thanh toán cước CPN	642 133	 111	502.244 50.224	 552.468
...
05/02	PC05/02	05/02	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	642 133	 111	400.328 40.033	 440.361
...
22/04	PC22/04	22/04	Chi tiếp khách	642 133	 111	1.500.000 150.000	 1.650.000
...
			Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 : Sổ cái TK 642
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN
XUẤT TADA-VIET

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PC23/01	23/01	Thanh toán tiền điện thoại tháng 1	111	461.926	
...
PC02/02	02/02	Thanh toán cước CPN	111	502.044	
...
PC05/02	05/02	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111	400.328	
...
PC22/04	22/04	Chi tiếp khách	111	1.500.000	
...
PKT19	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911		1.599.255.340
		Cộng phát sinh năm		1.599.255.340	1.599.255.340
		Số dư cuối kỳ			

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

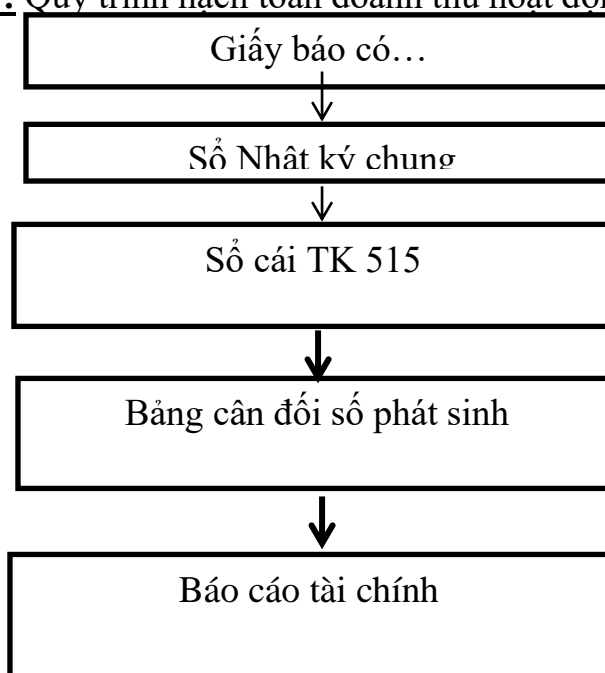
Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH Thương mại & Sản xuất TADA-VIET thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng.

 Chứng từ kế toán sử dụng:

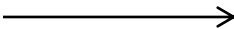
- Giấy báo có.
- Phiếu kế toán.

 Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- Các tài khoản có liên quan khác.

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối kỳ: 

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 515...

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái TK515 và các tài khoản khác có liên quan để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng tổng hợp cân đối phát sinh, kế toán dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 25/02/2016 Ngân Hàng ACB gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 45.089 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có số 161 ngày 25/02/2016 ngân hàng ACB về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung(biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515(biểu số 2.19), TK 112. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái TK 515 để lập bảng cân đối số phát sinh và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16 : Giấy báo có

Ngân hàng Á	GIẤY BÁO CÓ	Số: 161
Châu Chi nhánh: ACB Hải Phòng	Ngày: 25/02/2016	Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 594256 Số GD: 1211121
Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET Mã số thuế: 0200950061		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: Số tài khoản ghi CÓ: 1251-0000-496-671 Số tiền bằng số: 45.089 Số tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng./</i> Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu 2.17 : (Trích sổ nhật ký chung)**Mẫu số S03a-DNN**

Đơn vị: Công ty TNHH TM&SX TADA-VIET

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
25/02	GBC 161	25/02	Lãi tiền gửi nhập vốn NH ACB	112	515	45.089	45.089
...	
22/08	HĐ 393	22/08	Xuất bán cho Cty công nghệ cơ- nhiệt-điện và xây lắp	131	511 3331	46.893.000	42.630.000 4.263.000
22/08	PX 11/08	22/08	Giá vốn hàng bán	632	156	38.200.000	38.200.000
...	
01/11	HĐ 0423 626	01/11	Thanh toán cước điện thoại cho công ty Mobifone	642 133	111	461.237 46.123	507.360
...	
			Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.18: (Trích sổ cái)

Mẫu số S03b-DNN

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX
TADA-VIET**(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu từ hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
..
GBC 161	25/02	Lãi tiền gửi nhập vốn NH ACB	112		45.089
....
GBC 213	31/08	Lãi tiền gửi nhập vốn NH ACB	112		60.173

GBC 256	31/10	Lãi tiền gửi nhập vốn NH ACB	112		90.197
...
PKT 18	31/12	Kết chuyển tài khoản 515	911	2.299.161	
		Cộng phát sinh		2.299.161	2.299.161
		Số dư cuối kỳ		-	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. Tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET thì chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là khoản trả lãi vay ngân hàng.

Các chứng từ sử dụng:

Giấy báo nợ.

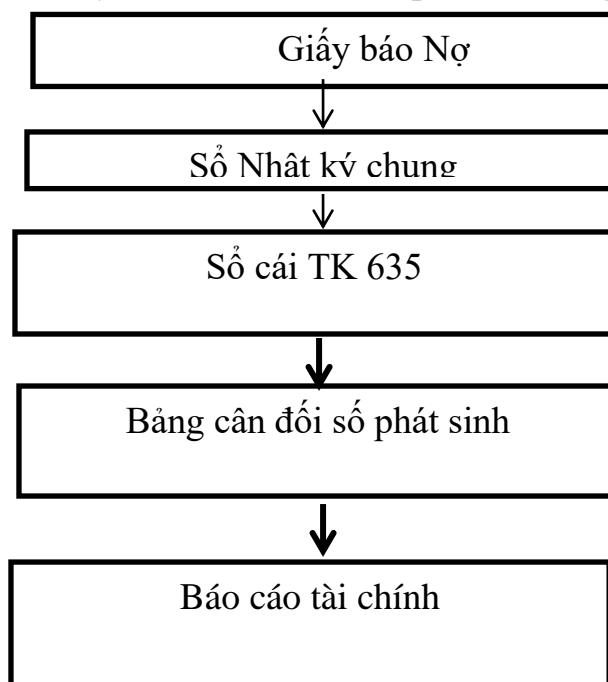
Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635 : Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng

Các tài khoản liên quan khác.

Sơ đồ 2.7 : Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 635...

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái TK635 và các tài khoản khác có liên quan để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng tổng hợp cân đối phát sinh, kế toán dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 30/08/2016 Ngân Hàng ACB gửi giấy báo nợ thông báo về việc trả lãi tiền gửi ngân hàng với số tiền: 12.980.000 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo nợ số 216 ngày 30/08/2016 ngân hàng ACB về việc trả lãi tiền gửi ngân hàng và các chứng từ liên quan kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.21). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 635(biểu số 2.22). Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái TK 635 để lập bảng cân đối số phát sinh và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu số 19 : Giấy báo Nợ

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO NỢ	Số: 216
Chi nhánh: ACB	Ngày:	Mã GDV: PHUCDTQTO
Hải Phòng	30/08/2016	Mã KH: 594256
		Số GD: 1211121
Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET		
Mã số thuế: 0200950061		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi NỢ: 1251-0000-496-671		
Số tiền bằng số: 32.980.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng./</i>		
Nội dung: ##Trả lãi tiền vay##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu 2.20 : (Trích sổ nhật ký chung)

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH TM&SX TADA-VIET

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
25/03	GBC 176	25/03	Lãi tiền gửi nhập vốn NH ACB	112	515	46.438	46.438
...	
22/08	HĐ 393	22/08	Xuất bán cho Cty công nghệ cơ- nhiệt-điện và xây lắp	131	511 3331	46.893.000	42.630.000 4.263.000
30/08	HĐ 403	30/08	Xuất bán nhôm Việt Pháp cho công ty TNHH MTV TM&XNK Ngân Hà	131	511 3331	13.307.800	12.098.000 1.209.800
30/08	GBN 216	30/08	Trả lãi tiền vay ngân hàng ACB	635	112	32.980.000	32.980.000
...	
01/11	HĐ 0423 626	01/11	Thanh toán cước di động cho công ty Mobifone	642 133	111	461.237 46.123	507.360
			Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.21 : (Trích sổ cái)Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX****TADA-VIET****Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
..
GBN 201	28/02	Trả lãi tiền vay ngân hàng ACB	112	42.809.333	
....
GBN 216	30/08	Trả lãi tiền vay ngân hàng ACB	112	32.980.000	

GBN 221	31/10	Trả lãi tiền vay ngân hàng BIDV	112	35.833.555	
...
PKT 19	31/12	Kết chuyển tài khoản 635	911		864.332.110
		Cộng phát sinh		864.332.110	864.332.110
		Số dư cuối kỳ		-	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình.

- **Chứng từ kế toán sử dụng:** Phiếu kế toán.
- **Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối...
- **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.**

Cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

✚ Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$KQKD = KQHĐ \text{ bán hàng, cung cấp dịch vụ} + KQTC + KQHĐ \text{ khác}$

Trong đó:

$KQHĐ \text{ bán hàng, cung cấp dịch vụ} = DTT - \text{Giá vốn} - CPQLKD$

$KQTC = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí hoạt động tài chính.}$

$KQHĐ \text{ khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác.}$

Kết quả kinh doanh của công ty năm 2016 như sau:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán vào các sổ sách liên quan.

Biểu 2.22 : (Trích phiếu kế toán)Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX TADA-VIET**Địa chỉ: **Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-Ngô Quyền-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số :18

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	11.508.824.450
2	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	2.299.161
	Cộng			11.511.123.611

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu 2.23 : (Trích phiếu kế toán)Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM&SX TADA-VIET**Địa chỉ: **Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-Ngô Quyền-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số : 19

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển 632	911	632	8.955.899.520
2	Kết chuyển 642	911	642	1.599.255.340
3	Kết chuyển 635	911	635	864.332.110
4	Chi phí thuế TNDN	911	821	18.327.328
5	Lợi nhuận sau thuế	911	421	73.309.313
	Cộng			11.511.123.611

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu 2.24 : (Trích sổ nhật ký chung)

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH TM&SX TADA-VIET

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển tài khoản 511	511	911	11.508.824.450	11.508.824.450
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển tài khoản 515	515	911	2.299.161	2.299.161
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển tài khoản 632	911	632	8.955.899.520	8.955.899.520
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển tài khoản 635	911	635	864.332.110	864.332.110
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển tài khoản 642	911	642	1.599.255.340	1.599.255.340
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	18.327.328	18.327.328
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển lãi	911	421	73.309.313	73.309.313
...
			Cộng phát sinh			84.021.695.866	84.021.695.866

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.25 : (Trích sổ cái)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM&SX TADA-VIET

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
PKT18	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	511		11.508.824.450
PKT18	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.299.161
PKT19	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	8.955.899.520	
PKT19	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	864.332.110	
PKT19	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.599.255.340	
PKT19	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	18.327.328	
PKT19	31/12	Kết chuyển lãi	421	73.309.313	
		Cộng phát sinh		11.511.123.611	11.511.123.611
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN
XUẤT TADA-VIET

Mẫu số: B-02/DNN
 (Ban hành kèm theo Quyết định số
 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	11.508.824.450	9.755.678.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.508.824.450	9.755.678.124
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8.955.899.520	8.553.867.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.552.924.930	1.201.810.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.299.161	46.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	864.332.110	452.881.660
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		864.332.110	452.881.660
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.599.255.340	713.878.940
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		91.636.641	35.096.618
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		91.636.641	35.096.618
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.30	18.327.328	7.019.324
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		73.309.313	28.077.294

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TADA-VIET****3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET****3.1.1. Kết quả đạt được.**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET, em đã hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em thấy công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đạt được những kết quả sau.

· Về bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý của công ty được bố trí một cách hợp lý, gọn nhẹ, các phòng ban trong bộ máy được phân chia theo chức năng và có mối liên hệ mật thiết với nhau, cùng hoạt động theo một cơ chế chung, vì mục tiêu chung là đưa Công ty phát triển đi lên.

· Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, phù hợp với quy mô, tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn của từng người.

- Phòng kế toán có quy chế rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán.

· Về tổ chức kế toán:

+ *Về hình thức sử dụng*: Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ thích hợp với quy mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

+ *Về sổ sách kế toán*: Các sổ sách của công ty thực hiện rõ ràng, đầy đủ, được in ra và lưu trữ theo quy định chung của Nhà nước. Đồng thời việc sắp xếp sổ sách tương đối gọn gàng, ngăn nắp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu.

+ *Về chứng từ sử dụng*: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành kèm theo quyết định 48/2006. Chứng từ được phân loại hệ thống rõ ràng. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Hệ thống chứng từ tập hợp, lưu trữ đầy đủ, sắp xếp, kiểm tra cẩn thận đảm bảo tính trung thực, hợp lý tạo điều kiện cho việc hạch toán đúng, đủ, kịp thời.

+ *Về hệ thống tài khoản*: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đúng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006 của Bộ Tài Chính.

· ***Về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nhìn chung đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

+ *Về kế toán doanh thu*: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về kế toán chi phí*: Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm phản ánh tình trạng chi khổng, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo năm.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET còn những hạn chế nhất định.

· ***Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:***

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn như:

- Không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại

- Kế toán mất nhiều thời gian cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

· ***Về hệ thống sổ sách kế toán:***

- Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài.

- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 511 nên khó theo dõi được doanh thu của từng mặt hàng bán ra của công ty.

- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 632 nên khó theo dõi được giá vốn cụ thể của mặt hàng xuất bán.

- Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý CPQLKD chưa hiệu quả.

· ***Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:***

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên, hiện tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán cũng như không đòi được nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng và xóa sổ cho khoản này.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2016**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU ĐẾN NGÀY 31/12/2016**

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty Hàng Hải	42.140.670			42.140.670	
..
4	Công ty TNHH công nghệ cơ-nhiệt-điện và xây lắp	122.451.000	122.451.000			
...
7	Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama	126.995.000		126.995.000		
...
15	Công ty cổ phần thương mại Minh Dư	13.965.000				13.965.000
...
	Tổng cộng	2.172.985.387	823.071.017	946.319.870	389.629.500	13.965.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng về quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET phải dựa trên những nguyên tắc sau:

– Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

– Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với công ty mình. Khi áp dụng phù hợp công tác sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính là mục tiêu cuối cùng để giảm bớt sự phức tạp, giảm khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong phòng kế toán.

– Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý của từng doanh nghiệp. Đặc biệt là thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

– Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao mà chi phí bỏ ra là thấp nhất mà hiệu quả thu được là cao nhất thì khi đó hoàn thiện thực sự mới có kết quả tốt. Ngược lại để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn nhưng trong khi đó lợi ích thu lại được không đủ bù đắp cho chi phí bỏ ra thì không khả thi.

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET:

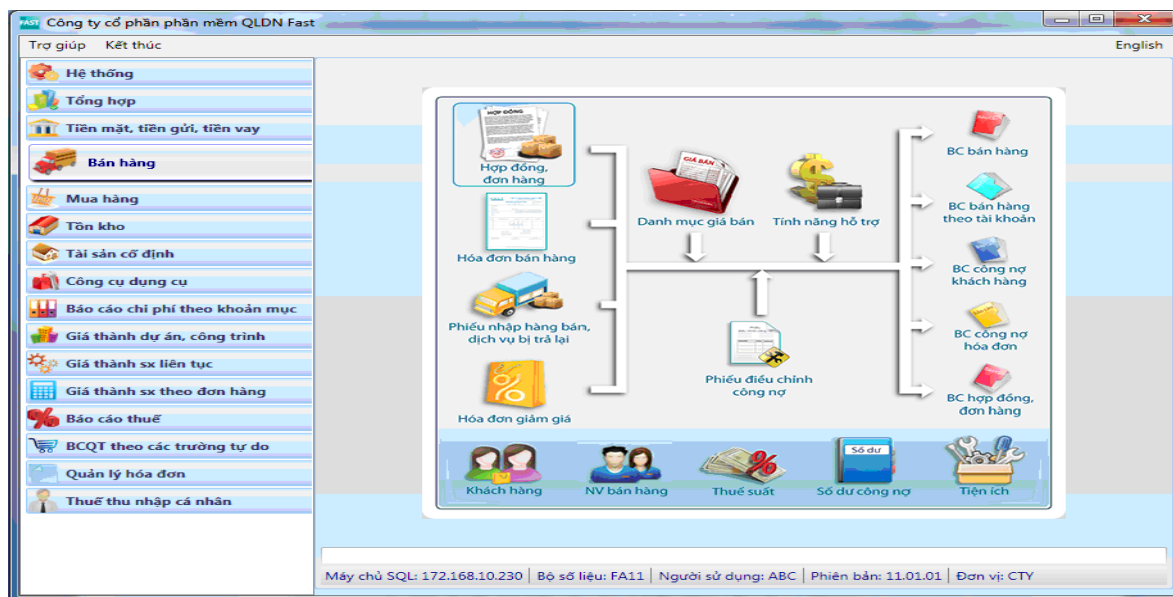
· Về công tác ghi chép sổ sách:

Tại Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên ứng dụng phần mềm vào chi phí quản lý ghi chép sổ sách kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán VACOM.

Phần mềm kế toán FAST



Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy

- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

· Phần mềm kế toán MISA



Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2016

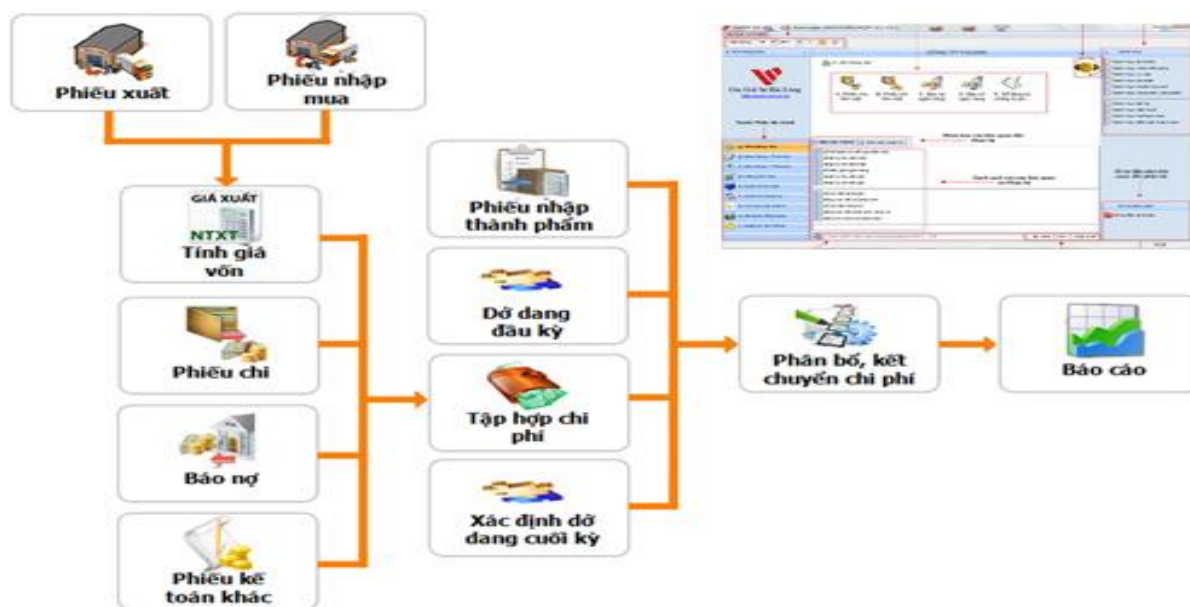
- Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2016 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.

- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).
Liên hệ: www.misa.com.vn.

· **Phần mềm kế toán VACOM**



Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.

- Website: www.vacom.com.vn

Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty nên tham khảo trước một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

· ***Về hệ thống sổ sách kế toán:***

- Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S16 – DNN ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC thay cho QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC có hiệu lực từ ngày 1/1/2017) để theo dõi doanh thu, chi phí, giá vốn, lợi nhuận của từng mặt hàng từ đó sẽ giúp công ty xem xét, so sánh giữa các mặt hàng để đưa ra chiến lược kinh doanh tốt hơn.

- Công ty nên mở sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 642 (Mẫu S18 – DNN ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC thay cho QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC có hiệu lực từ ngày 1/1/2017) nhằm theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố từ đó giúp công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn.

- Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh.

Biểu 3.2: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

*Mẫu số S16-DNN*Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...

Năm:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			Cộng phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Ví dụ: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000393 ngày 22/082016, kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho sản phẩm tấm ốp nhựa UV 3D như biểu 3.3.

Biểu 3.3: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất TADA-VIET

Địa chỉ: Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-
Ngô Quyền-HP**Mẫu số S16-DNN**Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Tấm ốp nhựa UV 3D

Năm: 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			...						
22/08	H Đ393	22/08	Bán hàng chưa thu tiền	131	5	3.636.000	18.180.000		
			...						
			Doanh thu thuần				843.678.000		
			Giá vốn hàng bán				751.667.320		
			Lãi gộp				92.010.680		

Ngày tháng năm 20.....

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị :

Địa chỉ :

*Mẫu số S17-DNN*Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 154,632,642,142,242)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

- Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK Số dư cuối kỳ									

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ*(Ký, Ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, Ghi rõ họ tên)*

- Căn cứ vào hóa đơn thanh toán cước viễn thông tháng 1/2016, hóa đơn GTGT số 0000766, phiếu chi số 04 tháng 2 và phiếu chi số 15 tháng 4 kế toán ghi vào sổ chi tiết sản xuất kinh doanh cho các loại cước viễn thông mà công ty sử dụng như biểu 3.5.

Biểu số 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị : Công ty TNHH Thương mại và Sản Xuất TADA-VIET

Địa chỉ : Số 381-Lê Thánh Tông-Vạn Mỹ-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						6421				6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			Số phát sinh trong kỳ											
05/02/2016	PC 05/02	05/02/2016	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111	400.328								400.328	400.328
...
22/04/2016	PC 22/04	22/04/2016	Chi tiếp khách	111	1.500.000								1.500.000	1.500.000
...

Hải phòng, ngày tháng năm 20.....

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

· ***Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.***

- Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vì vậy trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

- Theo thông tư 228/229/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) ***Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:***

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

o Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.

o Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) ***Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.***

- Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nêm trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

o 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

o 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

o 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

o 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.

- ***Chứng từ sử dụng:*** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.

- ***Tài khoản sử dụng:*** TK 159(2)- Dự phòng phải thu khó đòi.

– *Kết cấu tài khoản 159(2):*

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

· **Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 159(2): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập.

Cuối kỳ trước số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:

Nợ TK 159(2): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

Còn nếu nhỏ hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 159(2): Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 159(2): (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Ví dụ: Ngày 31/12/2016, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ(biểu số 3.1) như sau:

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2016: 13.965.000 đồng. Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 13.965.000

Có TK 131: 13.965.000

- Đối với các công ty khác phát sinh nợ quá hạn theo quy định tính được mức cần trích lập dự phòng là: 102.140.670 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 102.140.670

Có TK 159(2): 102.140.670

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

Lưu ý: Bắt đầu từ 1/1/2017 thông tư thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC sẽ thay cho QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC và khi đó khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ được theo dõi trên Tài khoản 2293. Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản có bản chất tương tự các khoản phải thu mà có khả năng không thu hồi được. Cách xác định và phương pháp hạch toán tương tự QĐ số 48/2006/QĐ-BTC.

KẾT LUẬN

Sau thời gian được thực tập và tham gia vào công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức thực tế và chuyên ngành kế toán theo học, bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lí thuyết được học trong nhà trường cùng thực tiễn làm việc trong công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã được học trong trường lớp còn phải cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế của những người đi trước.

Trên đây là những gì em đã được tìm hiểu và học hỏi thêm từ các anh chị phòng kế toán công ty, em đã trình bày trong khóa luận một cách đầy đủ nhất.

Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tế còn rất nhiều thiếu sót cùng năng lực thực tế của em còn hạn chế nên trong khóa luận này không tránh khỏi những thiếu sót, mong thầy cô và nhà trường góp ý sửa chữa và đóng góp thêm ý kiến cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn tới thầy giáo Nguyễn Văn Thụ đã tận tình hướng dẫn em cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị cô bác phòng kế toán trong công ty TNHH Thương mại và Sản xuất TADA-VIET đã tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu.